

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Điểm dân cư thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn của UBND xã Nhơn Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4564/STNMT-CCBVM ngày 21/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điểm dân cư thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Điểm dân cư thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 46/UBND ngày 09/8/2024 của UBND xã Nhơn Phong;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 994/TTr-STNMT ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Điểm dân cư thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Nhơn Phong (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Phong;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

llh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐIỂM DÂN CƯ THÔN TAM HÒA, XÃ NHƠN PHONG,
THỊ XÃ AN NHƠN CỦA UBND XÃ NHƠN PHONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Điểm dân cư thôn Tam Hòa, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn.

- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND xã Nhơn Phong.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích thực hiện san nền: 0,44 ha.

- Quy mô: gồm 13 lô đất ở, khoảng 52 người.

- Quy mô sử dụng đất: Cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở quy hoạch	1609,10	36
2	Đất cây xanh, công viên	378,92	9
3	Đất giao thông và hành lang hạ tầng kỹ thuật	2425,28	55
Tổng cộng		4.413,30	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: San nền diện tích 4.413,30 m², đường giao thông, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thoát nước thải sinh hoạt.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống cấp điện, cấp nước, vệ sinh môi trường.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Dự án:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải đi riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 378,92 m².

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại gia đình. Dự án có bố trí xây dựng đường ống chờ đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng theo phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu

đô thị Cảnh Hàng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 2.093,30 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 4,16 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình (bao bì

đựng xi măng, xà bần,...) phát sinh khoảng 10-15 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng 70 kg. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Khối lượng xà bần từ việc phá bỏ mô mã phát sinh khoảng 49,2 m³.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 163,93 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 41,6 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, các loại dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu...) với khối lượng khoảng 30 kg trong suốt thời gian thi công.

b) Giai đoạn hoạt động: Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 16 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,...

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải

- Tác động từ quá trình chiếm dụng đất, tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp, đất đổ thải ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự, an ninh xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom và xử lý bằng nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: Thu gom vào hố lắng để lắng cặn và tách dầu mỡ, phần nước sẽ được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt. Hướng thoát nước từ Nam xuống Bắc, thu gom nước mưa bằng cống BTLT đường kính D600 và đấu nối với hố ga hiện trạng thoát nước mưa trên đường ĐT631 (tuyên tránh).

+ Bố trí hố ga thu nước mặt đường: Bố trí 05 hố ga để thu nước mặt đường, kết cấu bằng bê tông xi măng đá 1x2 (M300).

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: nước thải sinh hoạt của người dân phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại gia đình.

+ Về lâu dài: khi hạ tầng chung theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Cảnh Hàng được xây dựng hoàn thiện (theo Quyết định số 6591/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thị xã An Nhơn), nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung và được dẫn đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực được đặt tại cuối ranh quy hoạch phân khu hướng Đông Bắc giáp sông Bồ Mọ theo quy định.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu

vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa được tận dụng đổ vào diện tích cây xanh của Dự án.

- Xà bần phát sinh từ việc phá bỏ mỏ mả được đưa đi đổ thải tại khu đất trống thuộc thửa đất số 67, lô số 6 với diện tích 1.232 m² do UBND xã Nhơn Phong quản lý, vị trí đổ thải cách Dự án 1,5 km.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn hoạt động: Các hộ gia đình tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, 69, 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu không khí xung quanh tại Khu dân cư hiện trạng giáp phía Tây dự án dự án, tọa độ X = 1.541.123; Y = 596.175. (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Các chỉ tiêu giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.